

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU PHONG  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/12/2023  
“V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Hải.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hoàng Trọng và ông Nguyễn Văn Thanh.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 135/2023/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Huỳnh E sinh năm 1988; nơi cư trú: 4/154 tổ 17, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ly N, sinh năm 1987; nơi cư trú tại: thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2023 nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh Em trình bày như sau:

Ông Nguyễn Huỳnh E và bà Nguyễn Thị Ly N đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 5 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau khi cưới vợ chồng làm nhà riêng ở riêng tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2014 trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên to tiếng cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn như vậy, nên năm 2015 ông Em bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình ở số 123, tổ 8, khóm 2, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang sinh sống. Sau đó chuyển đến số 4/154 tổ 17, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương sống và làm việc từ đó cho đến nay. Từ khi ông Em về nhà bố mẹ mình sinh sống thì vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Vì vậy, ông Em thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn

nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên ông Em làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết cho ông Em được ly hôn bà Na.

Về con chung: Vợ chồng ông E và bà N có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/4/2008 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 04/02/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bà N. Khi ly hôn, ông E giao cả hai cháu H và H cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì từ nhỏ các cháu ở với bà Na. Do điều kiện công việc và thu nhập không ổn định nên ông E chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ly N: tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 08/11/2023 và tại phiên tòa, bà N đồng ý với các vấn đề ông E ghi trong đơn khởi kiện như: về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ông E làm đơn xin ly hôn bà N. Theo bà N, sau khi cưới, vợ chồng sống với nhau tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình sinh sống vợ, chồng hay xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân như ông E đã nêu trong đơn khởi kiện. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên năm 2015, ông E bỏ về nhà bố mẹ đẻ của ông E ở An Giang sinh sống, sau đó chuyển về Bình Dương cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên ông E xin ly hôn thì bà Na cũng đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/4/2008 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 04/02/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bà N. Bà N đồng ý nuôi dưỡng cả hai cháu H và H theo đề nghị của ông E trong đơn khởi kiện và bà N không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con vì bà N đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Nguyễn Huỳnh E được ly hôn bà Nguyễn Thị Ly N. Về con chung: giao cả hai cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/4/2008 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 04/02/2011 cho bà Nguyễn Thị Ly N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về án phí: ông Nguyễn Huỳnh E phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ngày 27 tháng 10 năm 2023, Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh E và bị đơn bà Nguyễn Thị Ly N theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ly N cư trú tại xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định. Ngày 08/11/2023, bà Na có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Ngày 14/11/2023, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/11/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 23/11/2023, Tòa án tiến hành phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt nguyên đơn và lập biên bản không hòa giải được với lý do nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh E đề nghị không tiến hành hòa giải. Sau đó, Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh E theo quy định. Ngày 05/12/2023, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/12/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Huỳnh E vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Huỳnh E và bà Nguyễn Thị Ly N yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2011, tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sinh sống tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong. Theo trình bày của các đương sự thì nguyên nhân ly hôn là do tính tình không hợp, không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên năm 2015 ông E bỏ về nhà bố mẹ mình ở Bình Dương sinh sống và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tại, ông E sống ở Bình Dương còn bà N sống tại Quảng Trị mỗi người đều có cuộc sống riêng không liên quan gì đến nhau. Ngày 29/11/2023, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông E và bà N tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong thì được biết: trong quá trình chung sống giữa ông E và bà N thường xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng ông E và bà N đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Qua xem xét đơn ly hôn của ông E, ý kiến trình bày của bà N và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông E và bà N tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của ông E, xử cho ông E được ly hôn với bà N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông E và bà N có hai người con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/4/2008 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 04/02/2011. Hiện tại

cả hai cháu đang ở với bà Na, Hội đồng xét xử thấy: trong đơn khởi kiện thì ông Em đề nghị giao cả hai cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Quốc H cho bà Na được trực tiếp nuôi dưỡng, ông E chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 08/11/2023 và tại phiên tòa, bà Na cũng đồng ý nuôi cả hai cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Quốc H, không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn trình bày nguyện vọng và biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2023, đối với cháu Nguyễn Văn H và cháu Nguyễn Quốc H thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Ly N. Do đó, cần giao cả hai cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Quốc H cho bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà N không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí buộc ông E phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về Điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

- Về tình cảm: Xử cho ông Nguyễn Huỳnh E được ly hôn bà Nguyễn Thị Ly N.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/4/2008 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 04/02/2011 cho bà Nguyễn Thị Ly N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Na không yêu cầu ông Em phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Huỳnh E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000015 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (ông E đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Thượng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hải**





